

Số: 96 /BC-QLCL

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Thông tin giá cả thị trường nông sản từ 21/7/2023 đến ngày 27/7/2023

I. Giá nông sản, vật tư tại Lâm Đồng:

Qua cập nhật thông tin giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại các điểm cung cấp tin trên địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lâm, Đà Tẻh và thành phố Đà Lạt, giá cổng trại một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp có sự biến động so với tuần trước như sau:

1. Một số sản phẩm nông sản

- Sản phẩm rau, củ, quả: Đậu leo 11.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg; ớt sừng 8.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg; cà chua 8.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; ớt chuông Đà Lạt 20.000 đồng/kg, tăng 2.000 đồng/kg; súp lơ xanh 25.000 đồng/kg, tăng 7.000 đồng/kg so với tuần trước (Do thị trường tiêu thụ mạnh, nguồn cung ít nên súp lơ xanh Đà Lạt tăng giá mạnh so với tuần trước).

- Sản phẩm hoa: Hoa lay ơn 27.000 đồng/chục, hoa đồng tiền 20.000 đồng/chục, hoa cúc chùm 9.000 đồng/bó, đều tăng 2.000 đồng; hoa cúc cảnh 22.000 đồng/chục, hoa cẩm chướng 32.000 đồng/bó, đều tăng 4.000 đồng; hoa hồng Đà Lạt 9.000 – 10.000 đồng/chục, tăng 1.000 đồng/chục; hoa cát tường 65.000 đồng/kg, hoa lily Sorbone và Concador 60.000 – 70.000 đồng/bó, đều tăng 5.000 đồng so với tuần trước.

- Sản phẩm cây công nghiệp: Cà phê vối nhân xô 65.900 – 66.000 đồng/kg, tăng 1.700 - 2.000 đồng/kg so với tuần trước.

- Sản phẩm chăn nuôi: Lợn hơi 62.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg; kén tằm (tại Lâm Hà) 188.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với tuần trước.

Các sản phẩm chăn nuôi còn lại như gà hơi, sữa bò... đều có giá ổn định so với tuần trước.

2. Vật tư nông nghiệp

Các sản phẩm vật tư phân bón đều có giá ổn định tại các huyện so với tuần trước.

3. Dự báo chung

Trong thời gian tới, dự báo một số sản phẩm rau, củ, quả sẽ tăng nhẹ. Các loại hoa Đà Lạt và sản phẩm vật tư phân bón có giá cả tương đối ổn định.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 1 đính kèm)

II. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố:

1. Tại TP HCM

1.1 Nhóm cây trồng chủ lực- rau.

Tổng sản lượng rau, quả bình quân tuần này của 03 chợ đầu mối là 3.727 tấn/ngày so với tuần trước là 3.890 tấn/ngày (giảm bình quân 163 tấn/ngày so với tuần trước) trong đó: sản lượng rau củ bình quân tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.557 tấn/ngày (giảm bình quân 26 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Hóc Môn là 1.530 tấn/ngày (giảm bình quân 134 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Bình Điền là 640 tấn/ngày (giảm bình quân 3 tấn/ngày so với tuần trước).

a) Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 8,2% so với tuần trước trong đó: Giá cải xanh 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá bầu 8.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá bí đao 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

b) Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 7,4% so với tuần trước trong đó: Giá cải xanh 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá bầu 9.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá bí đao 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 12.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức

Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức trong tuần qua tăng bình quân 12,6% so với tuần trước, trong đó: Giá cải xanh 18.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá bầu 7.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 8.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 11.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

d) Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu

Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua tăng bình quân 4,8% so với tuần trước. Giá khổ qua 25.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá dưa leo 18.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá các mặt hàng rau củ khác ổn định so với tuần trước.

e) Giá rau, quả tại siêu thị

Giá rau, quả tại siêu thị Coopmart tuần qua tăng bình quân 4,0% so với tuần trước. Giá bí đao 26.500 đồng/kg (tăng 4.000 đồng/kg); giá khổ qua 32.600 đồng/kg (tăng 6.600 đồng/kg); giá bầu 19.500 đồng/kg (giảm 3.500 đồng/kg); giá các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

1.2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực - heo

- Giá heo giống loại từ (16 đến 20 kg) giá dao động từ 2.000.000 đến 2.400.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại các trại chăn nuôi, hộ dân như sau: Giá heo hơi loại 1 là 62.000 đồng/kg và loại 2 là 58.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại công ty Cổ phần C.P như sau: Giá heo hơi loại 1 là 64.000 đồng/kg và loại 2 là 60.500 đồng/kg, giá bình quân ổn định so với tuần trước.

a) Tổng sản lượng thịt heo tại 02 chợ đầu mối

Tổng sản lượng thịt heo bình quân tại hai chợ đầu mối trong tuần qua là 574 tấn/ngày so với tuần trước là 558 tấn/ngày (tăng bình quân 2,1% so với tuần trước), trong đó: sản lượng thịt heo bình quân chợ đầu mối Hóc Môn là 355 tấn/ngày (tăng bình quân 20 tấn/ngày so với tuần trước), sản lượng thịt heo bình quân chợ Bình Điền là 219 tấn/ngày (giảm bình quân 4 tấn/ngày so với tuần trước).

b) Giá thịt heo chợ đầu mối Hóc Môn

- Giá các mặt hàng thịt heo tại chợ đầu mối Hóc Môn bình quân tăng 1,3% so với tuần trước. Trong đó: Giá thịt heo mảnh loại 1 là 78.000 đồng/kg (tăng 4.000 đồng/kg), giá thịt heo mảnh loại 2 là 70.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá thịt đùi rọ 75.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg), giá thịt cốt lết 75.000 đồng/kg (giảm 3.000 đồng/kg); giá các mặt hàng thịt heo khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu

Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua ổn định so với tuần trước.

d) Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan

Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan tăng 14,8% so với tuần trước.

1.3 Nhóm sản phẩm thủy sản

Sản lượng thủy hải sản chợ Bình Điền giảm 6% so với tuần trước. Giá thủy sản tại chợ đầu mối Bình Điền tăng 21,4% so với tuần trước: giá mực ống (F) là 260.000 đồng/kg (tăng 50.000 đồng/kg) và giá mực lá 250.000 đồng/kg (tăng 40.000 đồng/kg).

Giá tôm nước lợ tại chợ Bà Chiểu tuần này giảm 10,3% so với tuần trước, trong đó: tôm thẻ (F) 220.000 đồng/kg (giảm 30.000 đồng/kg) và giá tôm sú (F) 320.000 đồng/kg (giảm 30.000 đồng/kg).

1.4. Giá gia cầm tại chợ Bình Điền, chợ truyền thống và sản lượng

- Sản lượng gia cầm bình quân tuần qua là 9 tấn/ngày (tăng 8,4% so với tuần trước).

- Giá gia cầm chợ Bình Điền ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 40.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 60.000 đồng/kg.

- Giá gia cầm chợ Bà Chiểu ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 75.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 90.000 đồng/kg.

1.5. Giá trái cây và sản lượng tại 03 chợ đầu mối

- Tổng sản lượng trái cây về 3 chợ đầu mối trong tuần qua bình quân là 1.691 tấn/ngày so với tuần trước là 1.797 tấn/ngày (giảm bình quân 7,8% so với tuần trước). Tại chợ đầu mối Hóc Môn là 287 tấn/ngày (giảm bình quân 3% so với tuần trước), tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.057 tấn/ngày (giảm bình quân 1% so với tuần trước), tại chợ đầu mối Bình Điền là 347 tấn/ngày (giảm bình quân 19% so với tuần trước).

- Giá trái cây chợ đầu mối Thủ Đức tăng 1,3% so với tuần trước, giá trái cây tại chợ Bà Chiểu tăng 1% so với tuần trước, giá trái cây tại siêu thị Coopmart tăng bình quân 3,2% so với tuần trước.

2. Tại Hà Nội

Lượng hàng không còn dồi dào, phong phú so với trước đây. Giá rau xanh tăng giá hơn do đã vào mùa mưa bão, lượng hàng đổ về chợ sẽ càng ít đi. Nguyên nhân rau xanh tăng giá là do thời tiết diễn biến thất thường, mưa giông khiến các vùng sản xuất rau tại Hà Nội và các tỉnh lân cận bị ảnh hưởng, nhiều loại bị hỏng ngay trên ruộng khiến nguồn cung khan hiếm, giá tăng. Cụ thể bắp cải tăng 2.000 đồng/kg, xà lách tăng 10.500 đồng/kg, củ dền tăng 5.000 đồng/kg, cần tây tăng 4.000 đồng/kg, dưa leo tăng 6.500 đồng/kg,

3. Khu vực Cần Thơ

Hôm nay tại chợ đầu mối rau củ tại Cần Thơ, giá một số mặt hàng rau củ đã có sự biến động sau một thời gian đi ngang. Giá bí đỏ giảm 2.000 đồng/kg về mức 12.000 đồng/kg. Đây là mức thu mua thấp nhất trong 5 tuần liên tiếp gần đây. Giá củ cải trắng cũng tụt dốc chỉ còn 4.000 đồng/kg, sau 1 thời gian dài giá thu mua ổn định ở mức 5.000 đồng/kg.

Dưa leo tại Cần Thơ hôm nay cũng giảm giá thu mua 1.000 đồng/kg còn 7.000 đồng/kg. Khổ qua (mướp đắng) cũng là mặt hàng giá biến động liên tục trong thời gian gần đây. Hôm nay giá mướp đắng lại giảm 2.000 đồng/kg về mức 12.000 đồng/kg sau 1 tuần tăng cao lên mức 14.000 đồng/kg. Giá mướp vẫn ổn định ở mức 5.000 đồng/kg. Giá bắp cải 15.000 đồng/kg.

Trong khi nhiều loại trái cây đang có xu hướng giảm và ở mức thấp do bước vào mùa thu hoạch rộ, thì nhiều loại sầu riêng và măng cụt đã tăng giá ít

nhất từ 3.000-10.000 đồng/kg so với cách nay 2 tuần. Giá tăng do nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đang ở mức cao và nguồn cung giảm vì nhiều vườn sầu riêng, măng cụt tại vùng ĐBSCL đã thu hoạch hết trái. Giá sầu riêng Ri 6 đang được nông dân bán xô cho thương lái và các vựa thu mua trái cây ở mức 45.000-50.000 đồng/kg, trong khi trước đây ở mức 42.000-47.000 đồng/kg; sầu riên Mỏn Thon từ 65.000-70.000 đồng/kg, nay lên ở mức 75.000-80.000 đồng/kg. Còn măng cụt đang có giá 20.000-26.000 đồng/kg, trong khi trước đây chỉ 15.000-20.000 đồng/kg. Giá bán lẻ măng cụt tại nhiều chợ đang ở mức 45.000-55.000 đồng/kg.

4. Khu vực Đà Nẵng

Giá rau tại TP. Đà Nẵng ổn định so với tuần trước ngoại trừ ớt chuông tăng 2.000 đồng/kg, súp lơ tăng 7.000 đồng/kg.

5. Khu vực Gia Lai, Đắk Lắk

- Tại tỉnh Đắk Lắk: giá cà phê được thu mua cùng mức 66.900 đồng/kg tăng 1.600 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 67.500 đồng/kg giảm 500 đồng/ so với tuần trước. Giá rau tại ĐắkLak tăng nhẹ hành lá, su hào, ớt sừng, cần tây dưa leo tăng 1.000 đồng/kg; cải thảo, củ dền tăng 2.000 đồng/kg; bắp xôi tăng 4.000 đồng/kg.

- Tại tỉnh Gia Lai: Giá cà phê ở mức 66.800 đồng/kg tăng 1.600 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 66.500 giảm 500 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại Gia Lai ổn định so với tuần trước ngoại trừ cải thảo giảm 2.000 đồng/kg, cà rốt giảm 1.000 đồng/kg, su hào giảm 3.000 đồng/kg, cần tây tăng 5.000 đồng/kg.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 2 đính kèm)

III. Giá tại các siêu thị:

Giá thịt heo mát Meat Deli trong khoảng 92.720 - 155.922 đồng/kg, trong đó các loại đang được giảm giá 20% theo chương trình ưu đãi dành cho hội viên của WinMart.

Cụ thể, nạc vai heo, nạc dăm heo và ba rọi heo đang có giá bán tương ứng với mức 113.520 đồng/kg, 139.920 đồng/kg và 155.922 đồng/kg. Thấp hơn là giá thịt đùi heo - 92.720 đồng/kg, chân giò rút xương - 99.122 đồng/kg và thịt heo xay loại 1 - 103.922 đồng/kg.

III. Dự báo, thông tin thị trường:

- Thị trường cà phê: tiến độ thu hoạch cà phê tại các vùng sản xuất chính tại Brazil sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong tuần này nhờ điều kiện thời tiết khô ráo. Thu hoạch nhanh chóng khiến nguồn cung mới trở nên sảng, từ đó thúc đẩy nông dân bán hàng nhanh hơn. Điều này góp phần giảm bớt lo ngại thiếu hụt nguồn cung trên thị trường do hoạt động hạn chế bán hàng trước đó. Dự báo trong ngắn hạn, giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục giảm do áp lực bán hàng vụ mới từ nhà sản xuất và xuất khẩu lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, tốc độ giảm sẽ chậm

lại do mối lo thiếu hụt nguồn cung và dự báo sản lượng cà phê Việt Nam trong vụ thu hoạch cuối năm nay sẽ giảm khoảng 10%.

- Thị trường tiêu: Theo dự kiến, thương mại thị trường Việt Nam cần khoảng 100.000 tấn hồ tiêu các loại để xuất khẩu trong 6 tháng còn lại của năm 2023. Các công ty xuất khẩu hồ tiêu cần phải nhập từ các nước thành viên Cộng đồng Hồ tiêu quốc tế (IPC) một lượng hàng đáng kể mới đáp ứng đủ cho nhu cầu này. Dự báo cuối năm, xuất khẩu hạt tiêu tiếp tục khó khăn do các thị trường lớn phục hồi chậm, lượng hàng tồn từ năm trước khiến các nhà nhập khẩu giảm thu mua hạt tiêu từ Việt Nam./-

Nơi nhận:

- SNN & PTNT;
- BCĐ XTĐT NS gắn với phát triển sản phẩm OCOP;
- Lưu: VT, Trạm QLCL.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Phúc Tín

Phụ lục 1. Giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo báo cáo số 96 /BC-QLCL ngày 27 tháng 7 năm 2023)

I. Giá nông sản

STT	Mặt hàng nông sản	ĐVT	Giá công trại	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Cà chua thường (Rita)	Kg	8.000	15.000	Tăng 1.000
2	Cải bắp (Đơn Dương)	Kg	2.000	10.000	
3	Cải thảo (Đơn Dương)	Kg	2.000	10.000	
4	Xà lách lolo xanh (Đơn Dương)	Kg	7.000	15.000	
5	Xà lách cuộn (Đơn Dương)	Kg	8.000	15.000	
6	Hành lá	Kg	16.000	30.000	
7	Su su	Kg	4.000	10.000	
8	Su hào	Kg	5.000	15.000	
9	Củ dền	Kg	4.000	10.000	
10	Ớt sừng	Kg	8.000	20.000	Giảm 5.000
11	Đậu leo	Kg	11.000	25.000	Giảm 2.000
12	Xà lách Coron (Đà Lạt)	Kg	10.000	16.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	20.000	28.000	Tăng 2.000
14	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	20.000	28.000	Tăng 2.000
15	Súp lơ xanh (Đà Lạt)	Kg	25.000	32.000	Tăng 7.000
16	Pó xôi (Đà Lạt)	Kg	40.000	48.000	
17	Sầu riêng Monthong (Di Linh) Sầu riêng Monthong (Bảo Lâm)	Kg	67.000 50.000	70.000 70.000	
18	Sầu riêng Ri6 (Di Linh) Sầu riêng Ri6 (Bảo Lâm)	Kg	58.000 45.000	60.000 65.000	
19	Sữa bò	Kg	13.000	17.000	
20	Lợn hơi (Lâm Hà)	Kg	62.000		Giảm 1.000
21	Gà mái hơi (Lâm Hà) Gà trống hơi (Lâm Hà)	Kg	80.000 70.000		
22	Kén tầm (Đạ Tẻh) Kén tầm (Lâm Hà) Kén tầm (Bảo Lâm)	Kg	145.000 188.000 170.000		Giảm 2.000
23	Hoa lay ơn (Đà Lạt)	Chục	27.000		Tăng 2.000
24	Hoa cúc cảnh (đại đoá)	Chục	22.000		Tăng 4.000
25	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	9.000		Tăng 2.000
26	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1 Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	10.000 9.000		Tăng 1.000
27	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	70.000		Tăng 5.000
28	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	60.000		Tăng 5.000

29	Hoa đồng tiền	Chục	20.000		Tăng 2.000
30	Hoa cẩm chướng	2 chục	32.000		Tăng 4.000
31	Hoa cát tường	Kg	65.000		Tăng 5.000
32	Cà phê vối nhân xô (Di Linh) Cà phê vối nhân xô (Bảo Lâm)	Kg	66.000 65.900	66.500 66.200	Tăng 2.000 Tăng 1.700
33	Chè búp tươi hạt (Bảo Lâm) Chè búp tươi cành (Bảo Lâm)	Kg	6.000 9.000	7.000 10.000	

II. Giá vật tư nông nghiệp

STT	Mặt hàng vật tư nông nghiệp	ĐVT	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Đạm Phú Mỹ (Lâm Hà) Đạm Phú Mỹ (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	600.000 550.000	
2	Đạm SA Nhật (Lâm Hà)	Bao 50kg	420.000	
3	Lân Lâm Thao (Lâm Hà)	Bao 50kg	260.000	
4	Lân Văn Điển (Lâm Hà)	Bao 50kg	300.000	
5	Kali Phú Mỹ (Lâm Hà)	Bao 50kg	800.000	
6	Phân NPK 16-16-8 (Lâm Hà) Phân NPK 16-16-8 Việt Nhật (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	800.000 750.000	
7	Lân vôi (Lâm Hà)	Bao 50kg	130.000	
8	Phân DAP con ó Pháp (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	1.100.000	

Phụ lục 2. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố

(Kèm theo báo cáo số 96 /BC-QLCL ngày 27tháng 7 năm 2023)

STT	Sản phẩm	ĐVT	Giá bán tại TP.HCM	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Hà Nội	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đà Nẵng	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Cần Thơ	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đắk Lắk	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Gia Lai	Tăng/ Giảm
I	RAU, CỦ													
1	Cà chua thường	Kg	20.000	-	15.900	-1.100	23.000	-	18.000	+1.000	19.000	-	20.000	
2	Bắp cải	Kg	20.000	-	17.000	+2.000	19.000	-	14.000	+1.000	23.000	-	14.000	
3	Cải thảo	Kg	25.000	-	22.000	-2.000	19.000	-	20.000	-	18.000	+2.000	15.000	-2.000
4	Xà lách lolo xanh	Kg	35.000	-	39.500	+10.500	28.000	-	50.000	-	27.000	-	28.000	
5	Cà rốt	Kg	40.000	+5.000	28.000	2.000	25.000	-	20.000	-	21.000	-	14.000	-1.000
6	Hành lá	Kg	50.000	-	48.000	-1.000	35.000	-	25.000	-	23.000	+1.000	30.000	
7	Su hào	Kg	25.000	-	19.900	-	20.000	-	16.000	-2.000	26.000	+1.000	17.000	-3.000
8	Củ dền	Kg	20.000	-	32.000	+5.000	20.000	-	20.000	-	17.000	+2.000	22.000	
9	Ớt sừng	Kg	45.000	+2.000	72.900	-2.100	45.000	-	40.000	- 1.000	41.000	+1.000	60.000	
10	Cần tây	Kg	50.000	-	59.000	+4.000	40.000	-	30.000	-	36.000	+1.000	35.000	+5.000
11	Dưa leo	Kg	18.000	+3.000	23.000	+6.500	12.000	-	12.000	-	16.000	-1.000	13.000	
12	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	45.000	+5.000	45.000	-34.000	52.000	+2.000	55.000	-5.000	50.000	-	50.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	45.000	+5.000	79.000	-	52.000	+2.000	55.000	-5.000	45.000	-	50.000	
14	Súp lơ	Kg	60.000	+5.000	51.900	-1.000	44.000	+7.000	60.000	- 5.000	35.000	-	45.000	

15	Khoai tây	Kg	40.000	-	43.000	-	27.000	-	22.000	-	25.000	-	22.000	
17	Hành tây	Kg	27.000	-	36.000	+1.000	19.000	-	22.000	+2.000	25.000	-	18.000 – 20.000	
18	Bồ xôi	Kg	45.000	+15.000	76.000	+2.000	37.000	-	Không có hàng		30.000	+4.000	30.000	-5.000
II	HOA			-		-		-						
1	Hoa lay ơn	Chục	60.000	-	105.000	-	40.000	-	85.000	-	40.000	-5.000	40.000	
2	Hoa cúc cảnh (đại đóa)	Chục	65.000	-	53.000	-	45.000.	-	55.000	-5.000	38.000	-	40.000	
3	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	17.000	-	72.000	-	20.000	-	35.000	-	35.000	-5.000	28.000	
4	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1	Chục	30000	-	92.000	-	30.000	-	80.000	- 10.000	35.000	-	35.000	
5	Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	30.000	-	90.000	-	30.000	-	80.000	- 10.000	30.000	-5.000	35.000	
6	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	85.000	-	280.000	-	120.000	-	150.000	- 10.000	70.000	-	120.000	
7	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	85.000	-	302.000	-	120.000	-	150.000	- 5.000	65.000	-	120.000	
8	Hoa đồng tiền	Chục	45.000	-	50.000	-	45.000	-	60.000	-	45.000	-5.000	40.000	
III	TRÁI CÂY			-		-		-						
1	Bơ	Kg	30.000	-	21.000	-3.000	30.000	-5.000	27.000	+ 2.000	10.000	-	8.000 - 10.000	-2.000
2	Sầu riêng Ri6	Kg	50.000	-	90.000	+8.000	70.000	-	85.000	-	70.000	-	75.000	
VI	SẢN PHẨM CHĂN NUÔI			-		-		-						
1	Lợn hơi	Kg	60.000	-	63.000	-2.000	60.000	-	58.000	-3.000	59.000	-	59.000	-

2	Gà mái hơi	Kg	75.000	-	84.000	+3.000	75.000	-	85.000	-	60000	-	70.000	-
3	Gà trống hơi	Kg	72.000	-	78.000	-	75.000	-	76.000	-	55.000	-	70.000	-

